TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **100**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Hiền.

Ông Trần Công Đẳng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đà Lạl là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1980 (có mặt)
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phú V, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp 7, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-4-2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Phú V tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M vào ngày 10-8-2014. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V thường xuyên uống rượu, không chăm lo làm ăn và chăm sóc cho các con. Nay chị M yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị M và anh V có 02 người con chung tên Nguyễn Phú V (nam), sinh ngày 25-9-2009 và Nguyễn Phú H (nam), sinh ngày 09-02-2011, hiện chị M đang trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị M yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung và không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị M và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ người khác và người khác nợ lại: Chị M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18-7-2018, bị đơn là anh Nguyễn Phú V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V thống nhất với lời trình bày của chị M về thời điểm tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn. Nay anh V đồng ý ly hôn với chị M.

Về nuôi con chung: Anh và chị M có 02 con chung tên Nguyễn Phú V và Nguyễn Phú H. Khi ly hôn, anh V đồng ý giao cả 02 con chung cho chị M nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh V thống nhất tự thỏa thuận với chị M, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh V xác định không có nợ người khác và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, anh V xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại văn bản ngày 13-7-2018, con chung là Nguyễn Phú V và Nguyễn Phú H xác định hiện nay đang sống với chị M. Trường hợp Tòa án chấp nhận chị M và anh V ly hôn thì nguyện vọng của cháu V và H được sống chung với chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 18-7-2018, anh Nguyễn Phú V có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Phú V tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau vào ngày 10-8-2014 đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh V được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị M, thấy rằng: Tại phiên tòa, chị M khẳng định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ; quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh V. Tại bản tự khai, anh V cũng thể hiện ý chí đồng ý ly hôn với chị M. Sự thống nhất ly hôn của chị M và anh V là trên tinh thần tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Chị M và anh V có 02 con chung là Nguyễn Phú V (nam), sinh ngày 25-9-2009 và Nguyễn Phú H (nam), sinh ngày 09-02-2011. Tại phiên tòa, chị M yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh

V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị M là phù hợp với ý chí của anh V tại văn bản ngày 18-7-2018 và phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung. Chị M xác định hiện nay chị đã có chỗ ở và có nghề nghiệp tạo thu nhập ổn định đảm bảo đáp ứng nhu cầu thiết yếu của chị và các con. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị M được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phú V và Phú H. Anh V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị M và anh V đều không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét trong vụ án.

[5] Chị M và anh V thống nhất tự thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn và xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị M, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M ly hôn với anh Nguyễn Phú V.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Phú V (nam), sinh ngày 25-9-2009 và Nguyễn Phú H (nam), sinh ngày 09-02-2011 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Phú V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Phú V tự thỏa thuận.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 16 tháng 4 năm 2018, chị M đã dự nộp án phí

300.000 đồng tại biên lai số 0011914 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Phú V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã K, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Dương Minh Út